

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018

Số: 173 /2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 204 / 2018/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Trương Thị T, sinh năm 1992.

- Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 10 ngõ 72 phố P, phường P, quận B, thành phố H.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 204 / 2018 /TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Anh Phạm Ngọc B và chị Trương Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận B, thành phố H ngày 25 tháng 01 năm 2016.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Ngọc B và chị Trương Thị T

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Phạm Ngọc B và chị Trương Thị T có 01 con chung là Phạm Bảo K, sinh ngày 10/02/2016.

Giao con chung Phạm Bảo K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B đóng góp tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng /tháng (ba triệu đồng/tháng) kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh B và chị T tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Anh B và chị T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Chị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008327 ngày 02/ 5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Thẩm phán

Đồng Thị Lai